TÒA ÁN NHÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 132/2018/HNGĐ - ST
Ngày 30 - 11 - 2018
V/v *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Trọng Ngoan;

2. Ông Trần Hùng Bích.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 642/2018/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2018/QĐXXST – DS ngày 30 tháng 10 năm 2018; quyết định Hoãn phiên tòa số 117/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Bích H, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 129/3B, tổ 2, khóm T 2, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Thái B, sinh năm 1987. Địa chỉ: Tổ 4, ấp B, xã M, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; ông B vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 24/8/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Võ Thái B do mai mối, sau 3 tháng tìm hiểm hai bên tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2015 và đăng ký kết hôn theo qui

định pháp luật tại UBND phường H thành phố Long Xuyên vào ngày 03/4/2015. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 6/2017 thì ly thân nguyên nhân do tôi phát hiện ông B đang chung sống với người phụ nữ khác và đã co con riêng 03 tuổi. Do hôn nhân không còn mang lại hạnh phúc nên tôi yêu cầu được ly hôn với ông B.

- Về con chung: Bà H tình bày vợ chồng không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

* Ông Võ Thái B là bị đơn trong vụ án không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn của bà H và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

**** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:***

Nguyên đơn bà H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 15/11/2018 lý do bận đi làm ở xa.

Bị đơn ông B vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bà H có đơn đề ngày 15/11/2018 nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt do phải đi làm ăn ở xa. Ông B không ý kiến trình bày và vắng mặt trong quá trình tố tụng; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông B là đúng theo qui định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H vì mâu thuẫn trong hôn nhân đã trầm trọng, đôi bên không còn quan tâm lẫn nhau.

Về con chung: Do bà H và ông B không có con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do bị đơn không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Đỗ Thị Bích H và ông Võ Thái B là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết.

[1.2] Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông B vẫn vắng mặt tại tòa, không gởi văn bản trình bày ý kiến. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông B.

- Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, bà H có đơn đề ngày 15/11/2018 nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt do bà phải đi làm xa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2]***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H và ông B dựa trên cơ sở tự nguyện của đôi bên, có tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND phường H thành phố L cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01/2015 ngày 03/4/2015 phù hợp với Điều 39 Bộ luật sự năm 2005; Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân từ sự bất đồng quan điểm, thiếu chia sẻ, cảm thông nhau trong đời sống vợ chồng. Bà H cho rằng, do bà phát hiện ông B lừa dối bà và đang chung sống với người phụ nữ khác và đã có con riêng 03 tuổi.

Xét thấy, bà H yêu cầu ly hôn nhưng ông B không có văn bản trình bày ý kiến phản đối và đã từ chối các quyền, cũng như không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015, điều này thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai ly thân nhiều năm nên hôn nhân không tồn tại, vợ chồng không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ với nhau. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn là phù hợp với Điều 42 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà H trình bày vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bị đơn ông B không có ý kiến về việc phân chi tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung. Nếu sau này, các bên phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà H phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 , Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích H và bị đơn ông Võ Thái B.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Bích H được ly hôn với ông Võ Thái B.

2. Về con chung: Không xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4, Về án phí: Bà H phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009845 ngày 14/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H và ông B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND TP L;
- THADS TP L;
- UBND H, TP. L, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang